

Bản án số: 17/2021/HS-PT
Ngày 30-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Chu Long Kiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 132/2020/TLPT-HS, ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Dương Thời V, do có kháng cáo của bị cáo Dương Thời V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST, ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo: Dương Thời V, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1960, tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn); chỗ ở: Thôn H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu (nguyên Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B; chức vụ đảng, chính quyền, đoàn thể: Nguyên Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện B; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thái H (đã chết) và bà Dương Thị T; có vợ là Dương Thị T1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 đến nay; có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo: Dương Hữu L, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1981 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Thời V: Ông Phạm Thanh B, ông Phạm Quốc B - Luật sư Công ty luật TNHH B thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- *Đại diện bị hại:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Thanh B, Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện B (theo văn bản cử người tham gia tố tụng số 1047/UBND-VP ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lương Chí C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Dương Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: đường N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Vũ Đình N, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tiểu khu T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Đình Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tiểu khu T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Anh Vũ Đình B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

8. Anh Lý Văn D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B và thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B do Dương Thời V làm Giám đốc, là chủ đầu tư 02 công trình xây dựng gồm: Nâng cấp Trường Tiểu học xã B với tổng mức đầu tư là 4.980.000.000 đồng và dự án xây dựng Nhà văn hóa xã B với tổng mức đầu tư là 3.985.000.000 đồng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia. Sau khi được giao nhiệm vụ, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B đã tiến hành các bước chỉ định thầu, đấu thầu theo quy định. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B là chủ đầu tư, đồng thời là đơn vị giám sát thi công; đơn vị thi công xây dựng công trình là Công ty Cổ phần xây dựng H do Vũ Đình N làm Giám đốc.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dương Thời V, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B đã ban hành Quyết về việc giao nhiệm vụ Tổ giám sát công tác thi công xây dựng công trình Nâng cấp Trường Tiểu học xã B, gồm: Dương Thời V - Giám đốc Ban quản lý dự án, phụ trách chung; Dương Hữu L, nhân viên Ban quản lý dự án - Tổ trưởng (có Chứng chỉ giám sát); Lương Chí C, nhân viên Ban quản lý dự án và Dương Văn T, nhân viên Ban quản lý dự án - Tổ viên; và Quyết định về việc giao nhiệm vụ Tổ giám sát công tác thi công xây dựng công trình Xây dựng Nhà văn hóa xã B, gồm: Dương Thời V - Giám đốc Ban quản lý dự án, phụ trách chung; Dương Hữu L, nhân viên Ban quản lý dự án - Tổ trưởng; ông Lương Chí C, nhân viên Ban quản lý dự án - Tổ viên và Nguyễn Thị H, nhân viên Ban quản lý dự án - Tổ viên (có Chứng chỉ giám sát). Về phía nhà thầu thi công, sau khi ký kết hợp đồng, Vũ Đình N, Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng H đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ huy trưởng công trình, gồm: Vũ Đình N - Giám đốc, chỉ đạo chung; Đình Văn T - Chỉ Huy trưởng công trình và Đình Văn A - Bảo vệ, kiêm Thủ kho.

Ngày 22/8/2016, Ban quản lý dự án và Công ty Cổ phần Xây dựng H đã tiến hành ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/2016/HĐ-XD gói thầu thi công xây dựng thuộc dự án Nâng cấp Trường Tiểu học xã B và Hợp đồng số 04/2016/HĐ-XD ngày 24/8/2016 gói thầu thi công xây dựng thuộc dự án Xây dựng Nhà văn hóa xã B. Công trình Nâng cấp Trường Tiểu học xã B được khởi công xây dựng ngày 22/8/2016, đến ngày 13/5/2017 tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình; công trình Xây dựng Nhà văn hóa xã B được khởi công xây dựng ngày 24/8/2016, đến ngày 20/4/2017 tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình.

Quá trình thi công hai công trình nêu trên, các bên liên quan đã có một số sai phạm như sau:

Công trình Nâng cấp Trường tiểu học xã B: Hệ thống cửa Đ1, Đ2, Đ3, S1, S2, SL: Có 158,9934 m² gỗ được sử dụng làm cánh cửa đi, cánh cửa sổ là gỗ nhóm V, thi công sai với hồ sơ thiết kế là gỗ nhóm II, hồ sơ quyết toán gỗ nhóm II, giá trị chênh lệch là 181.673.000 đồng. Đối với khối lượng hoa sắt cửa sổ S1, S2, tay vịn cầu thang, bình chữa cháy: Hoa sắt cửa sổ S1 thi công 08 thanh đứng 09 thanh ngang (theo hồ sơ thiết kế là 09 thanh đứng, 11 thanh ngang); S2 thi công 16 thanh đứng 09 thanh ngang (theo hồ sơ thiết kế là 17 thanh đứng, 11 thanh ngang), khối lượng thiếu là 0,0285 tấn và 10,3622m² sơn sắt thép 3 loại lớp nước, chống rỉ tương ứng với hoa sắt S1, S2; tay vịn cầu thang kích thước 60 x 60 x 1mm (theo hồ sơ thiết kế là 70 x 70 x 1mm), khối lượng thiếu 0,0051 tấn; thi công lắp đặt 18 bình chữa cháy BC MFZ4 loại 4kg/bình (theo hồ sơ thiết kế là ABC MFZL4 loại 4kg/bình); tổng giá trị chênh lệch hoa sắt cửa S1, S2 và tay vịn cầu thang là 9.840.000 đồng, còn bình chữa cháy không có chênh lệch. Tổng giá trị chênh lệch của công trình Nâng cấp Trường tiểu học xã B là 191.513.000 đồng.

Công trình xây dựng Nhà văn hóa xã B: Hệ thống cửa Đ1, Đ2, Đ3, S1: Có 22,1161 m² gỗ được sử dụng làm cánh cửa đi, cánh cửa sổ là nhóm gỗ V, thi

công sai với hồ sơ thiết kế là gỗ nhóm II, hồ sơ quyết toán gỗ nhóm II, giá trị chênh lệch là 25.271.000 đồng. Đối với hoa sắt cửa sổ S1, VK, bình chữa cháy: Hoa sắt cửa sổ S1, VK thi công thiếu các thanh đứng giữa trục hoa sắt, khối lượng thiếu là 0,008 tấn và 0,3395m² sơn sắt thép các loại 3 lớp nước, sơn tổng hợp tương ứng với hệ thống hoa sắt S1, VK, số tiền chênh lệch là 366.000 đồng. Thi công lắp đặt 08 bình chữa cháy BC MFZ4 loại 4kg/bình (theo hồ sơ thiết kế là ABC MFZL4 loại 4kg/bình), chênh lệch số tiền 814.880 đồng. Tổng giá trị chênh lệch của công trình xây dựng Nhà văn hóa xã B là 26.451.880 đồng.

Tại bản Kết luận định giá số 1763/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tổng giá trị sai phạm của 02 công trình là (191.513.000 đồng + 26.451.880 đồng) = 217.964.880 đồng.

Quá trình nhà thầu gia công cánh cửa đi, cửa sổ của hai công trình và trong quá trình lắp đặt, nghiệm thu các khối lượng công việc này, với vai trò là Tổ trưởng tổ giám sát, Dương Hữu L không phân công các tổ viên thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công, không ghi nhật ký giám sát, không thực hiện công tác nghiệm thu vật liệu đầu vào (vật liệu gỗ) và nghiệm thu phần thô, dẫn đến việc nhà thầu thi công đã sử dụng nhóm gỗ V không đúng so với hồ sơ thiết kế (nhóm gỗ II) phần cánh cửa đi, cánh cửa sổ; không tiến hành nghiệm thu thiết bị phòng cháy chữa cháy; Dương Hữu L và Đinh Văn T có thực hiện việc nghiệm thu tay vịn cầu thang, xen hoa sắt ở tại công trình, nhưng do chỉ quan sát bằng mắt thường, không đối chiếu với hồ sơ thiết kế nên không phát hiện ra các chi tiết sai sót.

Thời gian đầu thực hiện việc giám sát, Dương Hữu L thường xuyên báo cáo cho Dương Thời V về tiến độ thi công và những công việc liên quan đến công trình. Đến khi thi công phần cách cửa đi, cánh cửa sổ, do Dương Hữu L bận công việc không đến xưởng mộc của nhà thầu để kiểm tra, giám sát, cũng không báo cáo với Dương Thời V. Quá trình thi công hai công trình, Dương Thời V có đến hiện trường công trình xây dựng để kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công và tham gia nghiệm thu một số giai đoạn. Đến cuối năm 2016, do bận nhiều công việc nên Dương Thời V không đến hiện trường công trình, không thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cán bộ cấp dưới thực hiện công tác giám sát thi công nên không phát hiện ra các khối lượng công việc mà nhà thầu không thi công, thi công không đúng so với hồ sơ thiết kế, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, trong công tác giám sát công trình xây dựng Nhà Văn hóa xã B có Nguyễn Thị H, công trình Trường Tiểu học xã B có Lương Chí C, Dương Văn T là Tổ viên Tổ giám sát được Dương Hữu L phân công tham gia công tác giám sát tại hiện trường. Những người này không đứng tên trên hồ sơ quản lý chất lượng công trình (Nhật ký thi công, Biên bản nghiệm thu...), không được phân công giám sát toàn bộ công trình, mà chỉ được tham gia hỗ trợ cho Dương Hữu L trong việc kiểm tra, giám sát từng phần việc tại hiện trường. Riêng Lương Chí C và Dương Văn T Thuận không có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng.

Hai công trình đã được tiến hành nghiệm thu theo khối lượng công việc, theo giai đoạn và nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia nghiệm thu khối lượng công việc có Đinh Văn T, đại diện nhà thầu; Dương Hữu L, tổ trưởng giám sát, đại diện chủ đầu tư. Tham gia nghiệm thu giai đoạn gồm Dương Thời V, đại diện chủ đầu tư; Dương Hữu L, tổ trưởng giám sát; đại diện nhà thầu là Vũ Đình N và Đinh Văn T. Tham gia nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng gồm có Đại diện chủ đầu tư, đại diện nhà thầu, đại diện đơn vị sử dụng công trình, đơn vị tư vấn, thiết kế và đại diện các phòng Kinh tế - Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, phòng Dân tộc huyện B. Quá trình nghiệm thu, đánh giá chất lượng công trình để đưa vào sử dụng, Hội đồng nghiệm thu chỉ căn cứ vào hồ sơ chất lượng và hồ sơ giám sát, không kiểm tra thực tế bằng các phương pháp kỹ thuật nên không phát hiện ra các lỗi thi công sai thiết kế.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST, ngày 04-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Dương Thời V phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360 điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Dương Thời V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 217.965.000 đồng; trả lại cho người liên quan ông Vũ Đình N số tiền 60.745.000 đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Dương Hữu L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Dương Thời V kháng cáo xin: Miễn trách nhiệm hình sự; đề nghị xem xét số tiền gọi là vật chứng; làm rõ trách nhiệm với ông Vũ Đình N.

Tại phiên tòa: Bị cáo Dương Thời V giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần hình phạt là xin miễn trách nhiệm hình sự; xin trả lại số tiền bị cáo đã khắc phục vào phần cửa đi là 206.944.000 đồng; làm rõ trách nhiệm của ông Vũ Đình N.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bị cáo kháng cáo Bản án trong hạn luật định nên việc kháng cáo là hợp lệ. Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tuyên phạt bị cáo; căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Dương Thời V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ là mức phạt nhẹ nhất của khung hình phạt, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Mặc dù bị cáo phạm tội nghiêm trọng do vô ý, đã bồi thường khắc phục hậu quả đầy đủ, đơn vị chủ quản là Ủy ban nhân dân huyện B xin miễn trách nhiệm hình sự, tuy nhiên trong vụ án này bị hại là cơ quan nhà nước không thuộc trường hợp tự nguyện hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó bị

cáo không đủ điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 355, Điều 356 Bộ Luật Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Dương Thời V. Xét kháng cáo của bị cáo Dương Thời V phần xử lý vật chứng: Thiệt hại trong vụ án là 217.964.880 đồng, số tiền này tương ứng với số tiền ông Vũ Đình N đã nhận được do việc thanh quyết toán công trình đã chênh lệch. Bị cáo Dương Thời V đã khắc phục một phần hậu quả, đối với phần cửa đi là 206.944.000 đồng; thiệt hại còn lại 11.020.880 đồng chưa được khắc phục. Ông Vũ Đình N cũng đã nộp số tiền 278.710.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại cấp phúc thẩm, ông Vũ Đình N yêu cầu trả lại số tiền này cho bị cáo vì bị cáo đã trực tiếp bỏ tiền ra khắc phục hậu quả; tại Tòa bị cáo yêu cầu xem xét lại phần xử lý vật chứng. Cần trả lại số tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả là 206.944.000 đồng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo, trả cho bị cáo số tiền 206.944.000 đồng, trả lại ông Vũ Đình N 60.745.000 đồng, tịch thu số tiền 11.020.880 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Về trách nhiệm của ông Vũ Đình N, thấy rằng: Ông Vũ Đình N không có chỉ đạo nhóm thợ thay đổi nhóm gỗ, cũng không tự ý thay đổi nhóm gỗ, không có chủ ý để chiếm đoạt số tiền chênh lệch, hậu quả xảy ra là do khách quan đưa đến vì vậy không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội phạm để xử lý hình sự đối với Vũ Đình N, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm đối với Vũ Đình N.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, ông Phạm Thanh B trình bày: Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi của bị cáo tại phiên tòa, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm điểm b, s, v tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở; bị cáo được Ủy ban nhân dân huyện và Huyện ủy B có văn bản đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cấp sơ thẩm áp dụng mức án ngang mức án đối với bị cáo Dương Hữu L là không công bằng. Tại cấp phúc thẩm đại diện Ủy ban nhân dân huyện B tiếp tục có văn bản đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây được coi là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Do vậy bị cáo có đủ điều kiện miễn trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo;

Người bào chữa cho bị cáo, ông Phạm Quốc B trình bày: Về số tiền thiệt hại, quá trình điều tra ông Vũ Đình N đã nộp số tiền để khắc phục hậu quả là 217.964.880 đồng và đặc biệt ngay sau khi phát hiện sai phạm, bị cáo Dương Thời V cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách thay toàn bộ hệ thống cửa bằng gỗ nhóm II của 02 công trình được thể hiện bằng Biên bản nghiệm thu khối lượng gỗ sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả vào ngày 19/10/2020. Việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 217.964.880 đồng và không tuyên trả lại cho bị cáo Dương Thời V là sai sót, dẫn đến tình trạng, thiệt hại do đơn vị thi công gây ra được khắc phục hai lần. Để bảo đảm nguyên tắc công bằng cũng như quyền lợi của bị cáo Dương Thời V. Đề nghị

Hội đồng xét xử tuyên trả lại bị cáo số tiền 206.944.000 đồng; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015; miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Dương Thời V.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và cho bị cáo xin được trả số tiền 206.944.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên, cụ thể: Quá trình thi công xây dựng hai công trình Nâng cấp Trường Tiểu học xã B được khởi công xây dựng ngày 22/8/2016 và công trình Xây dựng Nhà văn hóa xã B được khởi công xây dựng ngày 24/8/2016. Đến ngày 20/4/2017 nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng đối với Nhà văn hóa xã B và 13/5/2017 nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng đối với Trường tiểu học xã B; chủ đầu tư, đơn vị giám sát là Ban quản lý dự án huyện B do Dương Thời V, Giám đốc và Dương Hữu L, Tổ trưởng Tổ giám sát đã không kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đầy đủ, thiếu kiểm tra đơn đốc đã để nhà thầu thi công không đúng với hồ sơ thiết kế, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 217.964.880 đồng, trong đó thiệt hại của công trình Trường Tiểu học xã B là 191.513.000 đồng, thiệt hại của công trình Nhà văn hóa xã B 26.451.880 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Thời V về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án này, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự của bị cáo Dương Thời V, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện, đánh giá đúng vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, mức hình phạt 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Dương Thời V kháng cáo cho rằng, bản thân đã tự nguyện khắc phục những sai sót tại hai công trình xây dựng Nhà văn hóa xã B và nâng cấp Trường Tiểu học xã B và được Huyện ủy B, Ủy ban nhân dân huyện B ghi nhận và có văn bản đề nghị xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định căn cứ miễn trách nhiệm hình sự là “người bị hại tự nguyện

hòa giải thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”. Trong vụ án này là gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, nên không thuộc trường hợp được phép hòa giải, cụ thể: Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định những vụ án dân sự không được hòa giải: “Yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”, do vậy bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án, không phải vai trò thứ yếu, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ là mức án thấp nhất. Nên cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST, ngày 04-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, Hội đồng xét xử không căn cứ chấp nhận kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Đối với hành vi của Vũ Đình N có dấu hiệu phạm tội Vi phạm về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 298 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy: Bản thân Vũ Đình N là Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng H chuyên sản xuất sản phẩm từ gỗ. Như vậy, trong quá trình nghiệm thu Vũ Đình N đã ký Biên bản nghiệm thu công trình nên phải chịu trách nhiệm các sản phẩm do Công ty cung cấp cho công trình. Tổng thiệt hại cả hai công trình là 217.964.880 đồng. Do vậy có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm đối với tội: Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Cần kiến nghị với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn xem xét làm rõ trách nhiệm của Vũ Đình N. Kiến nghị này sẽ được thể hiện bằng một văn bản riêng.

[3] Xét yêu cầu về việc xem xét lại phần xử lý vật chứng: Sau khi quyết toán công trình ông Vũ Đình N đã nhận được số tiền chênh lệch vượt quá thực tế là 217.964.880 đồng. Cần xác định thiệt hại thực tế trong vụ án là 217.964.880 đồng. Bị cáo Dương Thời V đã khắc phục hậu quả đối với phần thi công cửa gỗ của công trình liên quan đến công việc của ông Vũ Đình N, với giá trị tương ứng bị thiệt hại là 206.944.000 đồng; thiệt hại khác là 11.020.880 đồng chưa được khắc phục. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thời V yêu cầu xem xét lại phần xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, cụ thể là yêu cầu lấy lại giá trị khắc phục hậu quả đối với phần thi công cửa gỗ của công trình liên quan đến công việc của ông Vũ Đình N, với số tiền là 206.944.000 đồng; cũng tại phiên tòa ông Vũ Đình N cũng đề nghị xử lý phần vật chứng theo quy định của pháp luật như yêu cầu của bị cáo. Như vậy cần xử lý đối với số tiền 278.710.000 đồng ông Vũ Đình N đã nộp là vật chứng của vụ án như sau: Thiệt hại thực tế của vụ án chưa được khắc phục có giá trị là 11.020.880 đồng nên cần phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại cần trả lại cho bị cáo Dương Thời V 206.944.000 đồng; trả lại cho ông Vũ Đình N là 278.710.000 đồng - 206.944.000 đồng - 11.020.880 đồng = 60.745.000 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo ý kiến nào phù hợp thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Dương Thời V về hình phạt không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự của bị cáo Dương Thời V; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST, ngày 04-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt của bị cáo Dương Thời V, cụ thể như sau:

1. Về phần hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360 điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Dương Thời V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại của bị cáo Dương Thời V; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2020/HS-ST, ngày 04-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về phần xử lý vật chứng, cụ thể như sau:

2. Về phần xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu số tiền 11.020.880 đồng (mười một triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Trả lại bị cáo Dương Thời V số tiền 206.944.000 đồng (hai trăm linh sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

2.3. Trả lại cho người liên quan ông Vũ Đình N số tiền 60.745.000 đồng (sáu mươi triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

(Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do ông Vũ Đình N đã nộp tại Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Lạng Sơn ngày 27/12/2018 và Bảng kê các loại tiền nộp lập ngày 27/8/2020 tại Kho bạc Nhà nước huyện B với số tiền là 278.710.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Dương Thời V phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an H. Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí